

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

ĐỖ ĐỨC HÌNH*

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là một quan điểm lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là quan điểm thống nhất, xuyên suốt, chi phối nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có lĩnh vực đối ngoại và hoạt động ngoại giao. Khi nghiên cứu tư tưởng đối ngoại của Hồ Chí Minh, chúng ta càng thấy rõ quan điểm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội vừa có tầm chi phối lớn lại vừa có ý nghĩa giải quyết các vấn đề cụ thể và đạt hiệu quả trong đường lối đối ngoại và hoạt động ngoại giao của Đảng, Nhà nước ta.

1. Trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ, luận điểm quan trọng của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh: muốn cứu nước, giải phóng đồng bào phải tiến hành cuộc cách mạng đánh đuổi thực dân giành lại độc lập cho dân tộc, đã khẳng định rõ chí với lòng yêu nước, căm thù giặc thì không thể giải quyết được vấn đề độc lập dân tộc. Bằng chứng là các phong trào chống Pháp của nhân dân, các sĩ phu yêu nước, kể cả những vị vua yêu nước và một bộ phận quan lại của triều Nguyễn, đều thất bại. Khi tiếp xúc với khẩu hiệu “Tự do – Bình đẳng – Bác ái”, Người đã hiểu rằng còn có một thế giới khác, thế giới của chủ nghĩa tư bản nhưng văn minh hơn những gì đang diễn ra ở xứ Đông Dương. Và Người

quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước. Hòa mình trong môi trường quân chúng lao khổ, học tập và rèn luyện trong phong trào công nhân các nước tư bản Âu – Mỹ, Người nhận ra rằng ở Pháp cũng có người nghèo như ta, “trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản”¹. Từ đó, Người khẳng định, cách mạng Việt Nam không thể tách rời khỏi cách mạng thế giới: cách mạng thế giới như con chim có hai cánh, một cánh là phong trào công nhân ở chính quốc và một cánh là phong trào cách mạng của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc. Thành lập Hội liên hiệp dân tộc thuộc địa, ra báo *Le Paria* (Người cùng khổ) rồi thành lập Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, tham gia

* Khu di tích Phủ Chủ tịch

Đảng Xã hội Pháp, tranh thủ các diễn đàn và báo chí tố cáo chủ nghĩa thực dân tại các thuộc địa ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh... và lần đầu tiên người Việt Nam, dân tộc Việt Nam có “tiếng kêu” giữa chính trường quốc tế, đó là bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gửi đến Hội nghị Vécxây (1919). Đây là hành động cần có để thế giới biết đến xứ An Nam, đến dân tộc Việt Nam đang bị áp bức, đang khát khao giải phóng để giành độc lập cho mình. Đến khi được đọc Sơ thảo “Luận cương về những vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của V.I. Lênin, đăng trên báo *Nhân đạo*, Nguyễn Ái Quốc như bừng tỉnh: “Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”². Từ đó Người khẳng định: muốn cứu nước giải phóng đồng bào không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản, nghĩa là phải đặt phong trào giải phóng dân tộc trong phạm trù của cách mạng vô sản, ở các nước thuộc địa và phụ thuộc thì nhiệm vụ dân tộc giải phóng vẫn phải là nhiệm vụ hàng đầu... Như vậy, quan điểm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội (CNXH) được hình thành không chỉ bằng lý luận, học thuyết mà bằng cả kết quả của những hoạt động thực tế, tổng kết thực tiễn và sự nhạy bén của một tư duy xuất chúng. Để vận dụng và phát huy được giá trị của quan điểm này vào thực tiễn cách mạng Việt Nam thì nhất thiết phải có chính đảng của giai cấp công nhân và phải đạt được mục

tiêu của mọi cuộc cách mạng đó là: chính quyền cách mạng. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 đã thu hút được sự “ủng hộ Đảng, đi theo Đảng” của toàn thể dân tộc. Tháng Tám năm 1945, nhân dân ta đã giành được chính quyền trong phạm vi cả nước. Ngày 2 - 9 - 1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch lâm thời Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố với thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thật đã trở thành một nước tự do độc lập”. Cũng chính từ đây, quan điểm độc lập dân tộc gắn liền với CNXH đã được vận dụng vào thực tế cách mạng một cách toàn diện từ mục tiêu, phương pháp đến vấn đề tập hợp lực lượng cách mạng, đặc biệt là trong chính sách đối ngoại và hoạt động ngoại giao của Nhà nước dân chủ nhân dân non trẻ lúc bấy giờ. Giai đoạn 1945 - 1946 là giai đoạn hết sức đặc biệt trong lịch sử Việt Nam hiện đại, và càng đặc biệt đối với chính sách đối ngoại và hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh. Đây là giai đoạn cực kỳ phức tạp đòi hỏi phải vững vàng về nguyên tắc chiến lược nhưng đồng thời phải rất nhạy bén, linh hoạt, mềm dẻo về sách lược, vừa có tầm nhìn vừa có khả năng quyết đoán để tạo thời cơ và tận dụng mọi thời cơ. Các kết quả của công tác đối ngoại và hoạt động ngoại giao những năm 1945 - 1946 đã trở thành bài học xuyên suốt cho các giai đoạn sau này. Bài học trước hết và quan trọng nhất chính là vấn đề độc lập dân tộc là vấn đề sống còn, phải được xem là nguyên tắc bất di bất dịch. Độc lập

dân tộc, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ là hòn đá tảng của mọi chính sách đối ngoại và hoạt động ngoại giao của chúng ta. Trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc ta, quan điểm này của Hồ Chí Minh đã được vận dụng và phát huy cao độ trong mọi hoạt động, trong đó có công tác đối ngoại và hoạt động ngoại giao của Đảng và Nhà nước ta. Đó là: vững vàng với nguyên tắc độc lập dân tộc, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất Tổ quốc; coi đối ngoại và hoạt động ngoại giao là một mặt trận để tập hợp lực lượng quốc tế, có mục tiêu rõ ràng, có chiến lược, sách lược, có phương pháp và bước đi phù hợp; quan điểm hòa bình hữu nghị luôn luôn được nâng cao và phát huy trong mọi điều kiện, tình huống, coi trọng đối thoại, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, tôn trọng lợi ích của nhau, đặc biệt là các giá trị văn hóa của các dân tộc khác; độc lập, tự chủ, tin vào sức mạnh của dân tộc mình, khôn khéo vận dụng những kinh nghiệm của cha ông, đồng thời nhạy bén học hỏi những bài học của thế giới; từng bước và không ngừng nâng dần các quan hệ ngoại giao từ công nhận và ủng hộ lẫn nhau đến quan hệ hợp tác phát triển và hội nhập quốc tế.

Trong thời kỳ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa là người đứng đầu Đảng và Nhà nước, vừa là người phụ trách chính sách đối ngoại và Bộ Ngoại giao của nước ta. Người là một nhà ngoại giao lớn, uyên bác, lịch thiệp, rất gần gũi, thân ái và bao dung, nhưng cũng rất cương quyết và mạnh mẽ. Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác đối

ngoại và hoạt động ngoại giao vẫn là những nguyên lý, nguyên tắc cơ bản và là bài học cho chúng ta hôm nay.

2. Những năm đầu thế kỷ XXI, thế giới có nhiều thay đổi. Sự trỗi dậy của các nền kinh tế mới, điển hình là Trung Quốc có ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình khu vực và thế giới. Hàng loạt vấn đề lớn như dịch bệnh, môi trường, khủng bố, mâu thuẫn sắc tộc, vấn đề năng lượng cũng như sự bùng nổ của khoa học kỹ thuật... thực sự đã vượt ra khỏi tầm kiểm soát của bất cứ một quốc gia nào, nó đòi hỏi phải có sự tham gia quốc tế, phải có sự đồng thuận, cùng chia sẻ những khó khăn thách thức, cũng như sự bảo đảm cùng có lợi cho mọi quốc gia. Khi khoảng cách không gian và thời gian không còn là trở ngại hay ưu thế của bất cứ quốc gia nào, thì công tác đối ngoại và hoạt động ngoại giao trở thành một lĩnh vực hết sức quan trọng, có liên quan và chi phối đến rất nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó phải kể đến những vấn đề rất nhạy cảm như kinh tế, quân sự, chính trị và văn hóa - xã hội. Trong điều kiện đó, việc vận dụng quan điểm độc lập dân tộc gắn liền với CNXH của Hồ Chí Minh và những kinh nghiệm ngoại giao của Người vào hoạch định các chính sách đối ngoại, hoạt động ngoại giao để mang lại hiệu quả cao nhất là rất cần thiết.

Một là, độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là một quan điểm lớn có tính chất bao quát và xuyên suốt, việc vận dụng vào công tác đối ngoại và hoạt động ngoại giao trong điều kiện hiện nay là cần thiết và phải quán

triệt thật sâu sắc. Quan điểm này trước hết khẳng định mục tiêu và con đường tất yếu của cách mạng nước ta, đường lối chiến lược, sách lược và những vấn đề cơ bản như độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, một nước Việt Nam thống nhất. Quan điểm này không giới hạn việc tham gia các tổ chức quốc tế cũng như các hoạt động ngoại giao, nhưng không được làm phương hại đến lợi ích của quốc gia dân tộc, không được làm mất ổn định chính trị và xã hội, không được làm ảnh hưởng đến vai trò lãnh đạo của Đảng và Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Hơn 170 quốc gia có quan hệ ngoại giao, hơn 200 quốc gia, vùng lãnh thổ có quan hệ thương mại và hàng trăm tổ chức quốc tế sẽ là cơ sở vững chắc cho sự mở rộng không ngừng và sự phát triển về chiều sâu trong các quan hệ quốc tế của Việt Nam.

Hai là, ngoại giao là một mặt trận. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói: ngoại giao là một mặt trận không có tiếng súng nhưng không kém phần gay go và quyết liệt, cán bộ hoạt động trên mặt trận ngoại giao phải có lập trường, quan điểm vững vàng, phải có bản lĩnh và hết sức linh hoạt, sáng tạo. Coi ngoại giao là một mặt trận kể cả trong điều kiện hòa bình có ý nghĩa là đặt ngoại giao ngang hàng với các hoạt động nhà nước khác như kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội. Ngoại giao phải nằm trong một chỉnh thể hoạt động nhà nước, là một nhiệm vụ cách mạng thường xuyên, có đóng góp vào chiến lược phát triển cách mạng chung của cả nước. Nhìn

vào những biến cố của thế giới mấy chục năm gần đây, chúng ta cần thấy rõ, ngoại giao ngày càng chiếm giữ vị trí quan trọng, nó chi phối các lĩnh vực khác thông qua việc cung cấp thông tin, giải mã tình thế “tạo thời cơ” hoặc vô hiệu hóa các “thách thức” có chiều hướng phát triển thành thúc đẩy các lĩnh vực đó phát triển. Do vậy, Đảng và Nhà nước cần đầu tư cho việc nghiên cứu xây dựng những chiến lược ngoại giao khu vực hoặc từng đối tượng cụ thể kể cả trước mắt và lâu dài. Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa, ngoại giao đã và đang phát huy rộng rãi khả năng và ưu thế của mình. Trong điều kiện hiện nay, ngoại giao nước ta đã có những bước tiến rất hiệu quả, không ngừng mở rộng quan hệ với tất cả các nước, đồng thời phát triển các quan hệ bình thường thành các “đối tác kinh tế”, “đối tác hợp tác lâu dài”, “đối tác chiến lược”...

Ba là, đường lối ngoại giao của Việt Nam là thống nhất, trước sau như một vì hòa bình, hữu nghị và đoàn kết giữa các dân tộc. Dân tộc Việt Nam là dân tộc có ý chí quật cường, có truyền thống chống ngoại xâm rất oanh liệt, bất khuất và không bao giờ chịu thất bại. Hiệp định Giơnevơ (1954) và Hiệp định Pari (1973) chính là kết quả của văn hóa khoan dung và mục tiêu hòa bình cho dân tộc của Hồ Chí Minh. Vận dụng nguyên tắc hòa bình, hữu nghị và đoàn kết giữa các dân tộc trong điều kiện hiện nay là phải làm cho bạn bè và nhân dân thế giới hiểu truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta, thấy rõ tình yêu hòa bình luôn gắn liền với độc lập tự do của dân

tộc ta. Văn hóa Việt Nam là một nền văn hóa chứa đầy giá trị nhân văn, hòa hiếu, một nền văn hóa yêu thương con người, luôn lấy con người làm trọng tâm để ứng xử với tự nhiên, xã hội và với chính con người. Làm tốt điều này, chúng ta sẽ có nhiều bạn bè hơn, niềm tin quốc tế đối với chúng ta sẽ cao hơn, và tiếng nói của Việt Nam trên trường quốc tế cũng sẽ có tầm ảnh hưởng lớn hơn.

Bốn là, nhận thức rõ giá trị tinh thần của ngoại giao Việt Nam và nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh. Trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và trong sự nghiệp xây dựng Tổ quốc, chúng ta đã xây dựng được những mối quan hệ quốc tế cực kỳ quý báu. Chúng ta có đồng chí gắn bó lâu dài, láng giềng thân thiết, có bạn bè ở khắp năm châu cùng sát cánh trong những lúc gian nan nhất. Có thể nói, giá trị tinh thần của ngoại giao Việt Nam là giá trị chính nghĩa và nhân đạo. Ngày nay, trong hợp tác phát triển, chúng ta vẫn mong muốn một sự “hợp tác thành thật” cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau, không lợi dụng hợp tác để phá hoại, lật đổ và “diễn biến hòa bình”. Trong điều kiện hiện nay, để xử lý được tình thế nhiều phức tạp và ngày càng có tính đan xen đòi hỏi những người làm ngoại giao phải có sự linh hoạt và tinh tế, có bản lĩnh chính trị cao, có nghiệp vụ, chuyên môn giỏi và đặc biệt phải có sự am hiểu sâu sắc về văn hóa chẳng những của dân tộc mình mà cả của đối tác là các quốc gia, dân tộc khác. Có như vậy mới làm chủ được tình thế và xử lý được theo nguyên tắc “Đi bất biến, ứng vạn biến” của Chủ tịch Hồ Chí

Minh. Sáng tạo là một nguyên tắc của sự tiến bộ và phát triển. Khi nói đến vận dụng lý luận hay học hỏi kinh nghiệm, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc “phải sáng tạo”. Muốn có những nhà ngoại giao tài ba, muốn có những chuyên gia hoạt động quản lý nhà nước về đối ngoại nhất định phải khuyến khích và nuôi dưỡng sự sáng tạo trong công tác đối ngoại và hoạt động ngoại giao.

Nhìn lại chặng đường 80 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta đã đạt những thành tựu to lớn. Việt Nam từ một nước thuộc địa đã trở thành một quốc gia độc lập có chủ quyền, từ một nước nghèo nàn, lạc hậu đã vươn mình trở thành một quốc gia đang phát triển mạnh mẽ. Đặc biệt trong những năm đổi mới, cùng với kinh tế không ngừng tăng trưởng là vai trò quốc tế của Việt Nam không ngừng mở rộng, giao thương ngày càng đi vào chiều sâu và bền vững. Tất cả những thành tựu đó không tách khỏi đường lối đúng đắn của Đảng và đặc biệt là quan điểm độc lập dân tộc gắn liền với CNXH của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.1, tr.266

2. *Sđđ*, T.10, tr.127.